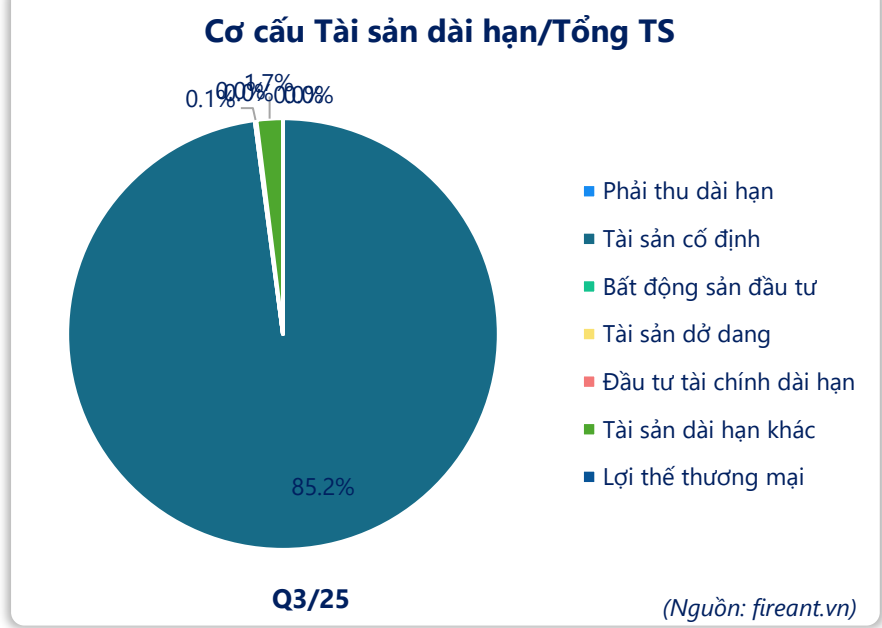
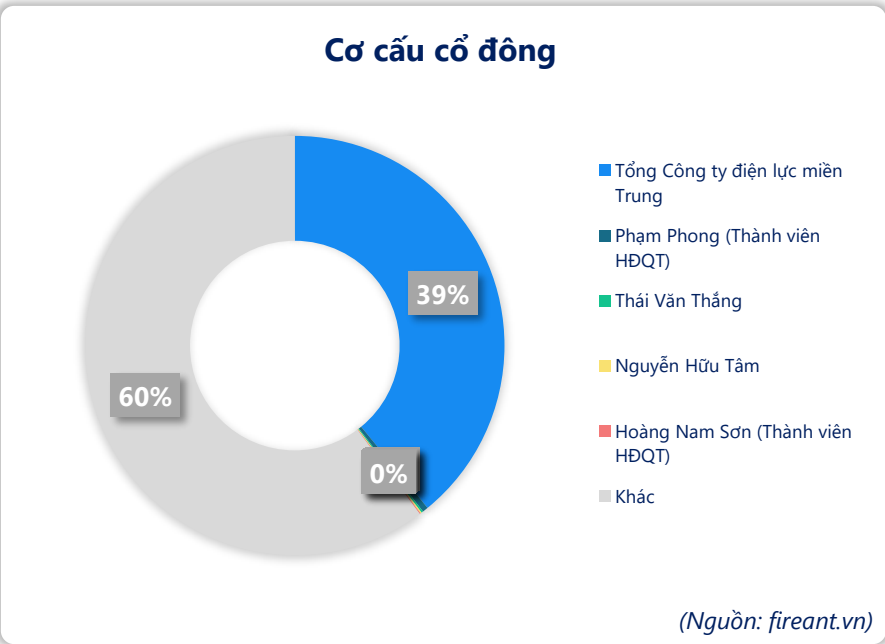
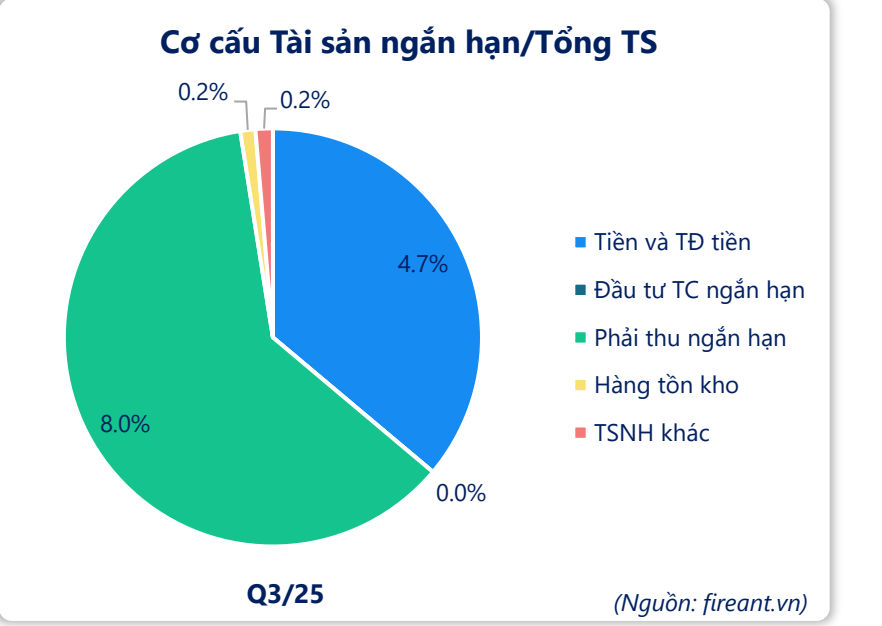
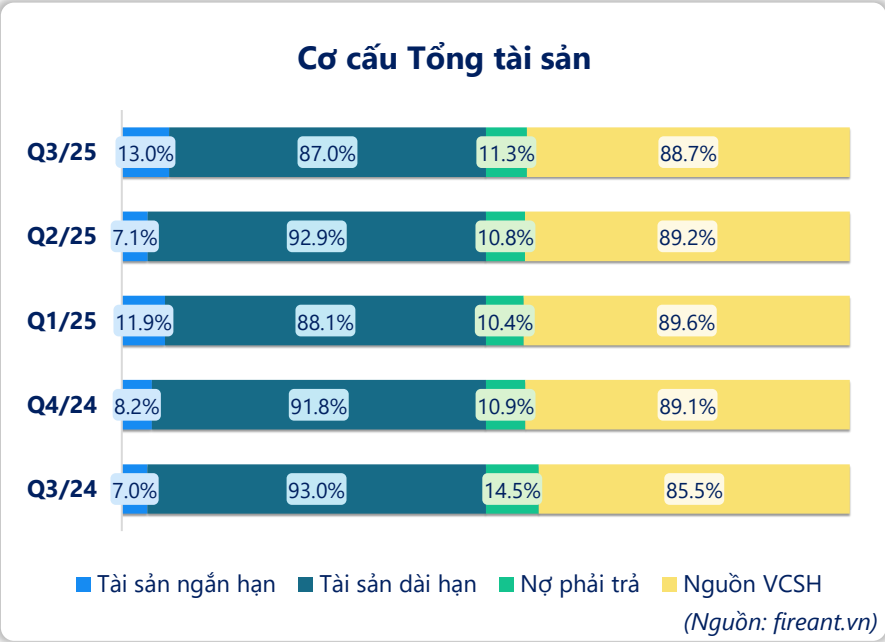
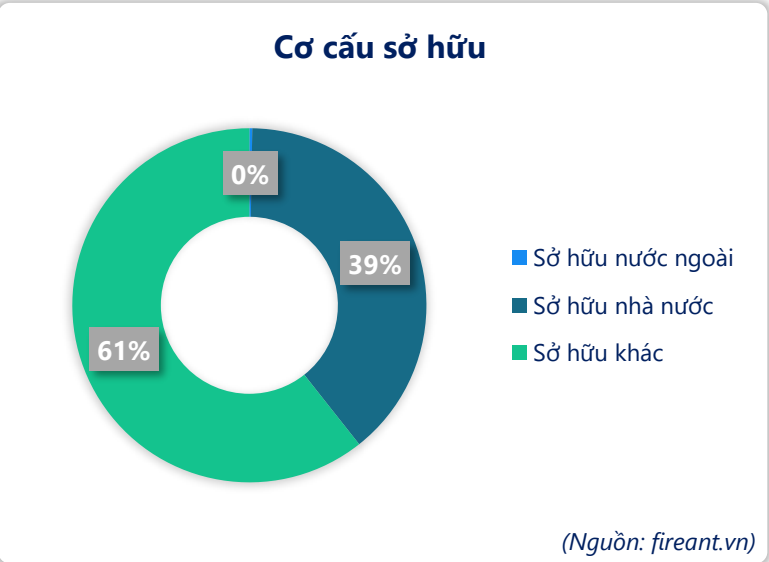
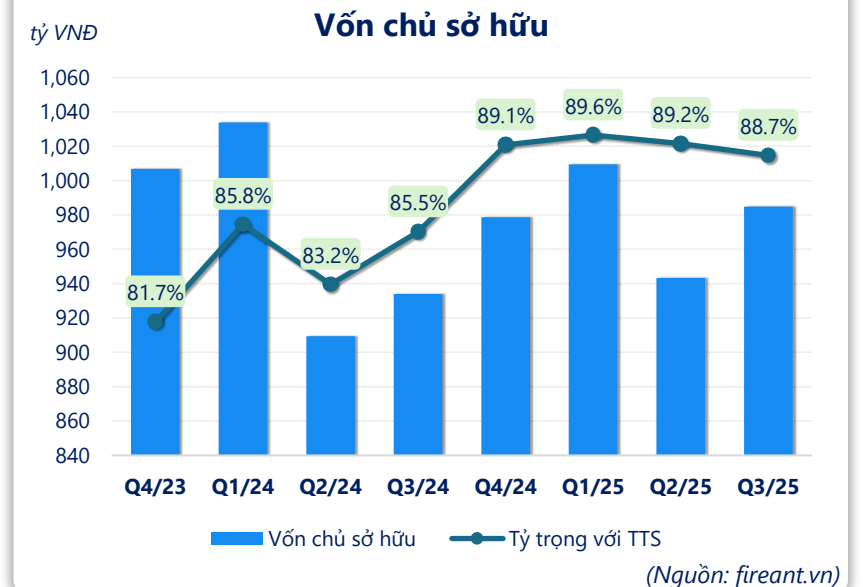
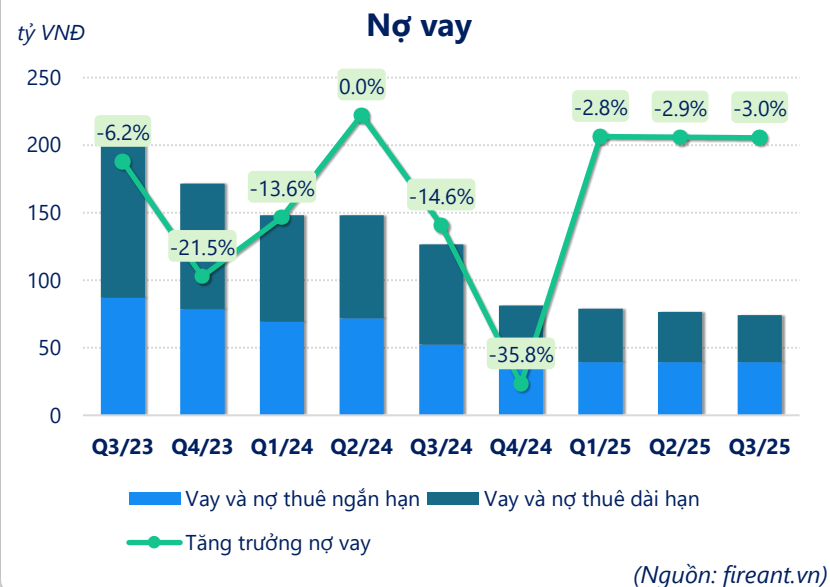
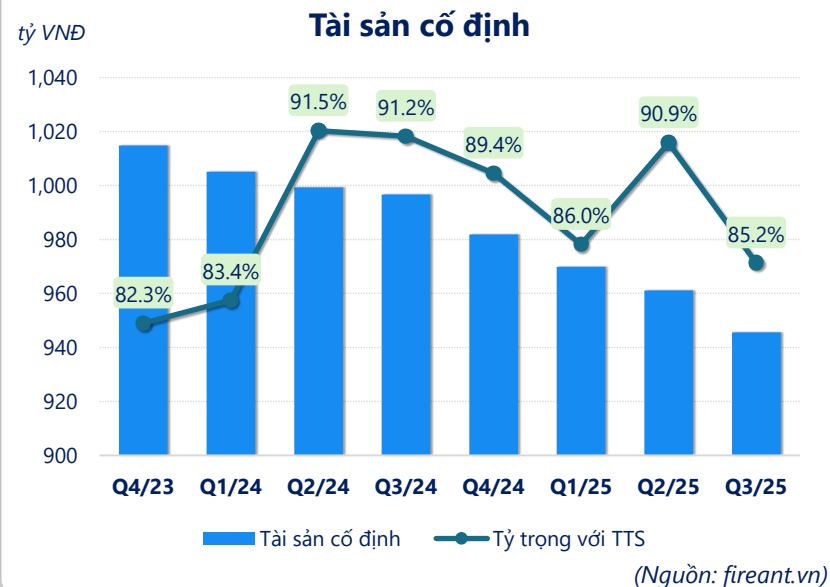
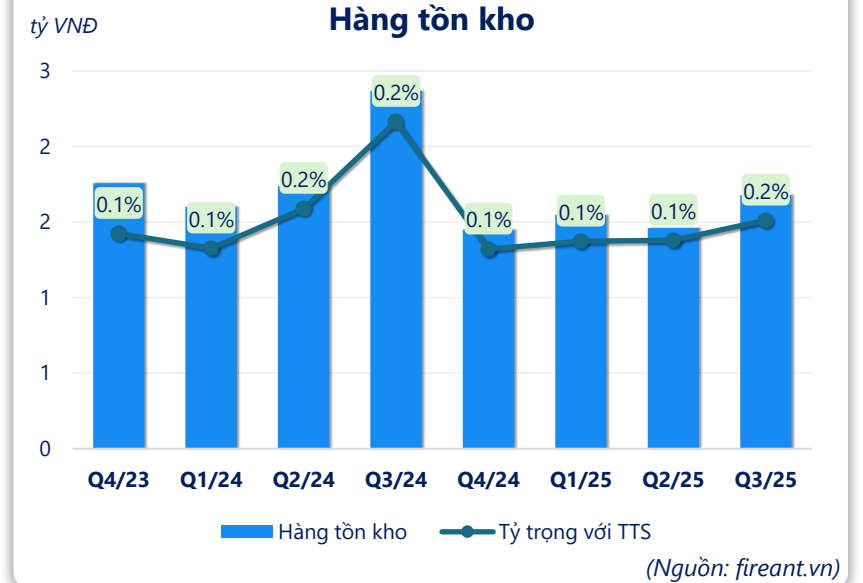
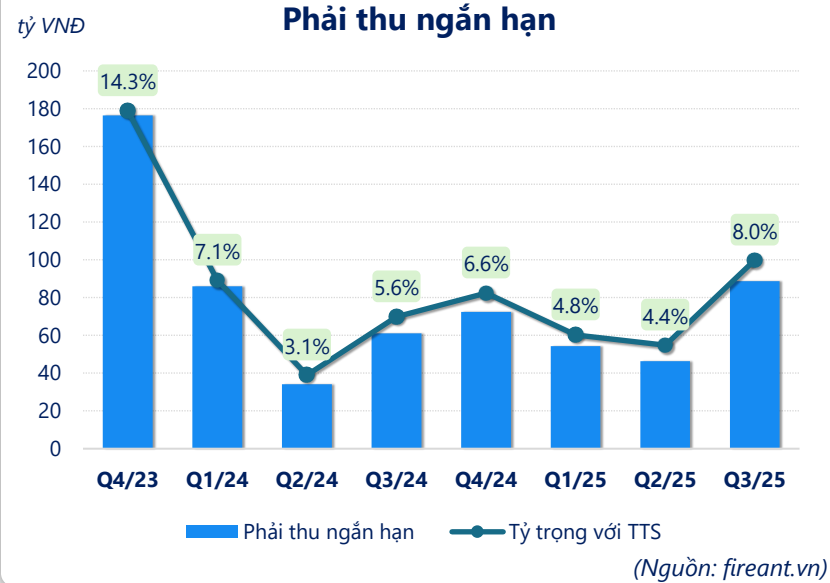
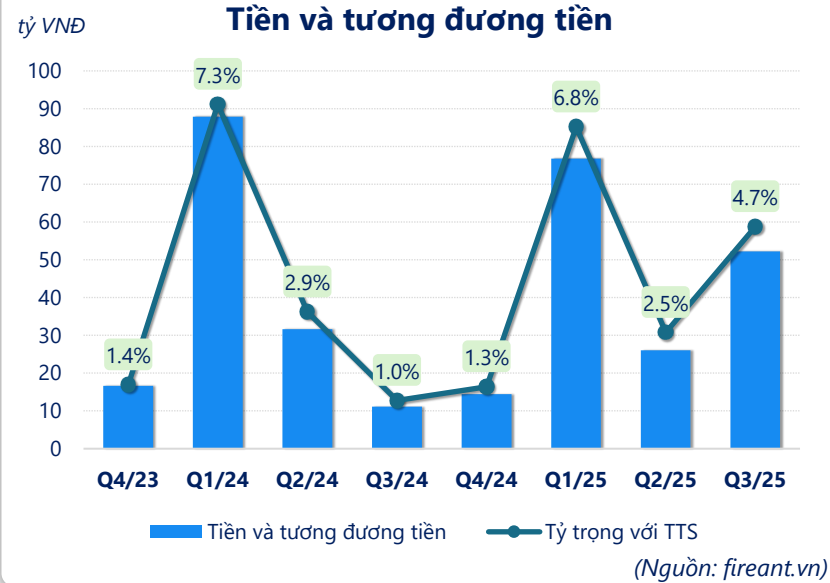
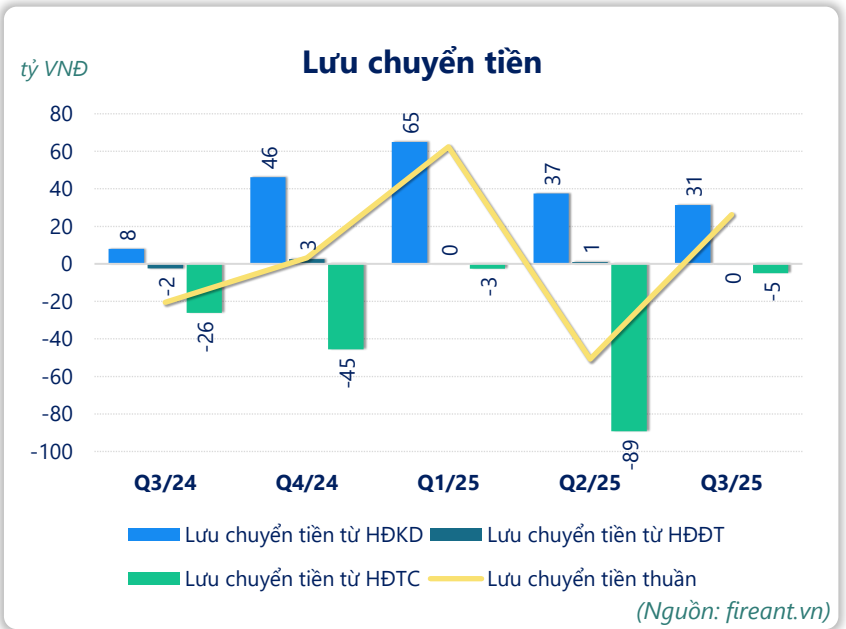
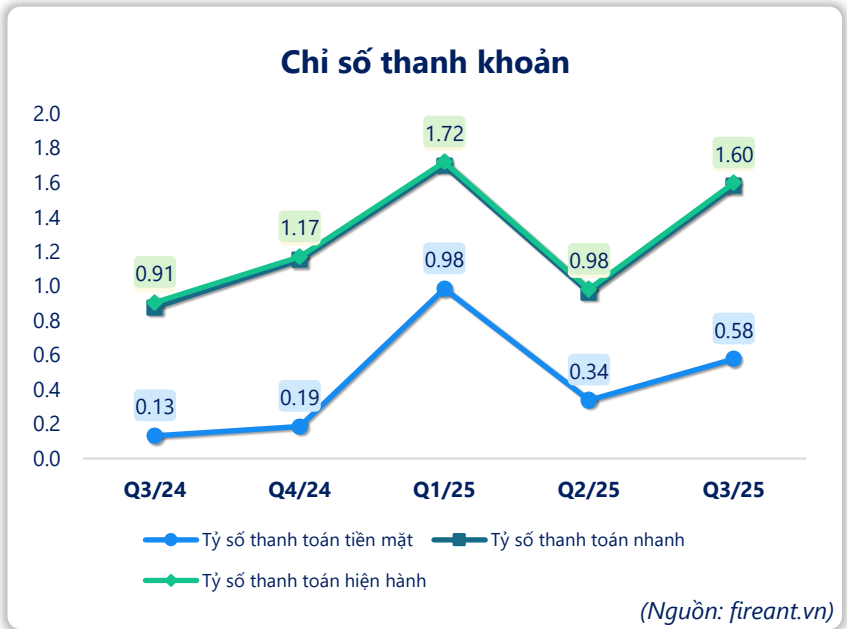
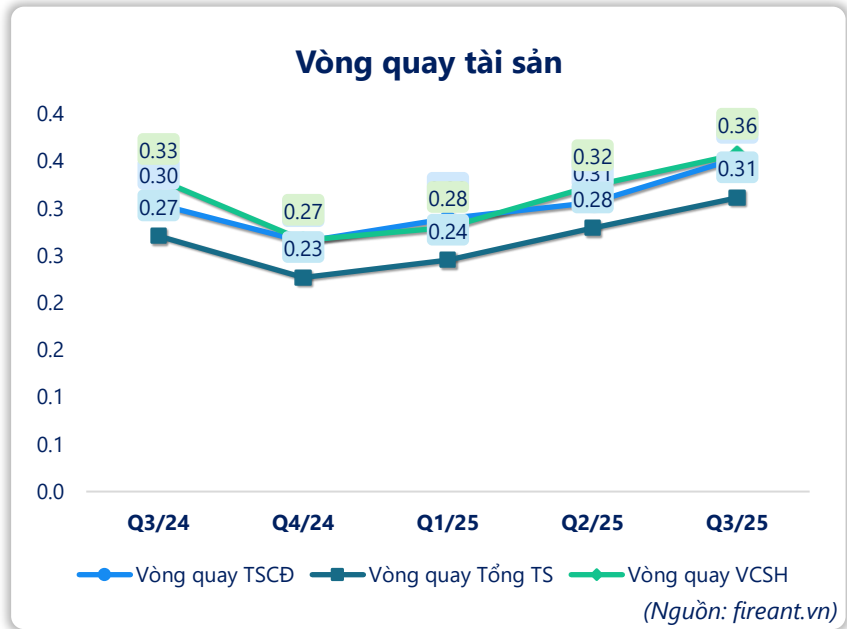
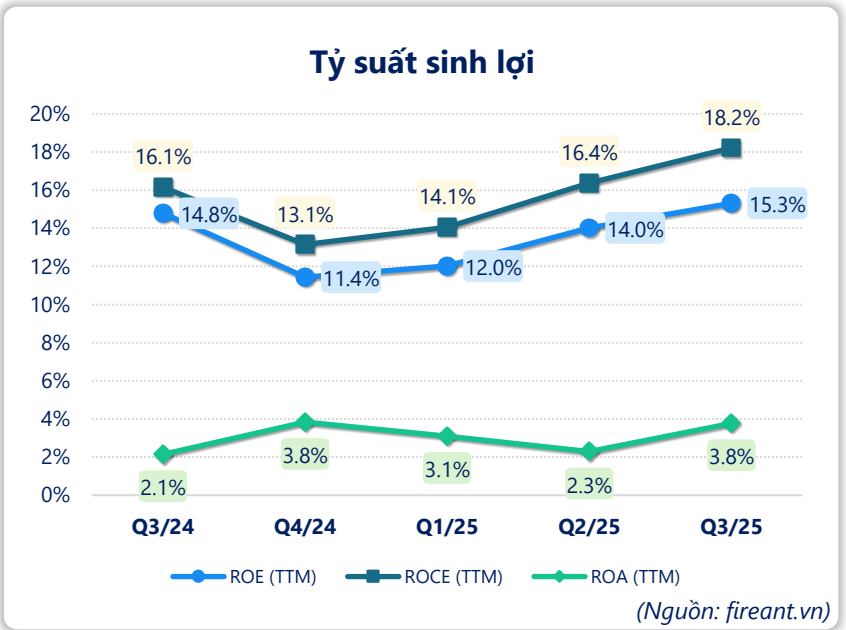
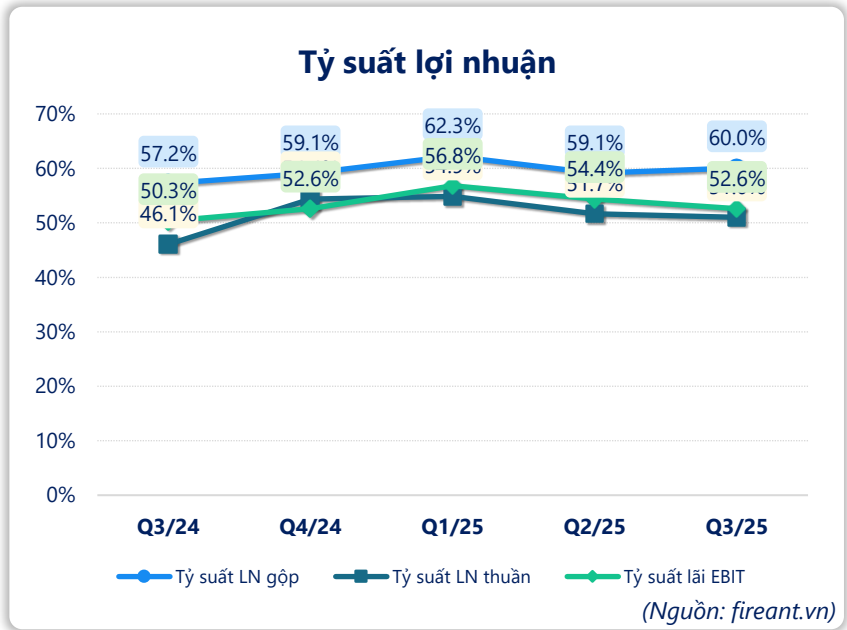
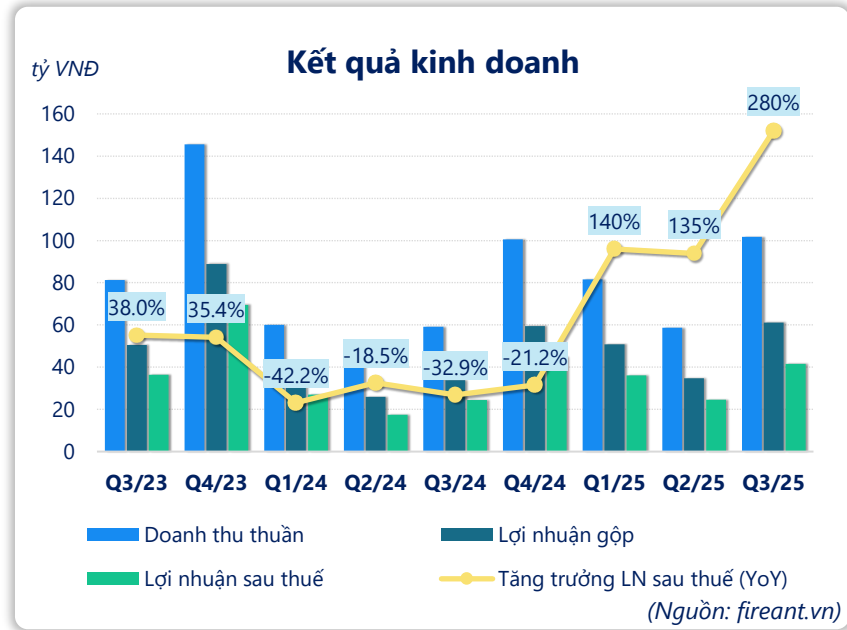


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,705
SL cổ phiếu LH		60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)		21,220
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,754
P/E		11.9
EPS		2,429

	YTD	1T	3T	6T
SBA	3.3%	-0.3%	-2.4%	1.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,110	1,098	1.1%
Tài sản ngắn hạn	144	90.3	59.9%
Tiền và tương đương tiền	52.2	14.4	262%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	88.6	72.4	22.5%
Hàng tồn kho	1.68	1.45	15.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.94	2.10	-7.8%
Tài sản dài hạn	966	1,007	-4.1%
Phải thu dài hạn	0.03	0.02	25.0%
Tài sản cố định	946	982	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.13	0.08	1363%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	19.0	25.8	-26.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	125	119	5.2%
Nợ ngắn hạn	90.4	77.2	17.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.3	39.2	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.72	0.76	-5.3%
Nợ dài hạn	35.0	42.0	-16.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.0	42.0	-16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	985	979	0.6%
Vốn chủ sở hữu	985	979	0.6%
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	59.2	101	81.6	58.6	102
Giá vốn hàng bán	25.3	41.1	30.8	24.0	40.7
Lợi nhuận gộp	33.9	59.4	50.8	34.7	61.1
Doanh thu HĐTC	0.02	2.94	0.23	0.93	0.23
Chi phí TC	2.57	2.25	1.62	1.61	1.63
Chi phí lãi vay	2.54	2.22	1.59	1.58	1.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.06	5.47	4.65	3.68	7.79
LN thuần từ HĐKD	27.2	54.7	44.8	30.3	51.9
Lợi nhuận khác	-0.02	-3.96	0	0	0
LN trước thuế	27.2	50.7	44.8	30.3	51.9
Lợi nhuận sau thuế	24.5	44.7	36.2	24.6	41.5
LNST của CĐ cty mẹ	24.5	44.7	36.2	24.6	41.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.93	46.2	64.9	37.5	31.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.34	2.55	0.04	0.95	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	-45.5	-2.55	-89.2	-5.03
Tiền đầu kỳ	31.6	11.2	14.4	76.8	26.0
Lưu chuyển tiền thuần	-20.5	3.23	62.4	-50.8	26.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.2	14.4	76.8	26.0	52.2

(Nguồn: fireant.vn)